

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP  
CÔNG LẬP CHỨA TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN TỈNH CÀ MAU NĂM 2026**

(Kèm theo Tờ trình số 650/TTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

| Số TT     | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị                                               | Số lượng người làm việc<br>(hưởng lương từ ngân sách nhà nước) | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------|
| 1         | 2                                                                          | 3                                                              | 4       |
|           | <b>TỔNG I+II</b>                                                           | <b>29.036</b>                                                  |         |
| <b>I</b>  | <b>CẤP TỈNH</b>                                                            | <b>6.318</b>                                                   |         |
| 1         | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                                             | 35                                                             |         |
| 2         | Sở Nội vụ                                                                  | 65                                                             |         |
| 3         | Sở Tài chính                                                               | 19                                                             |         |
| 4         | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                               | 360                                                            |         |
| 5         | Sở Khoa học và Công nghệ                                                   | 79                                                             |         |
| 6         | Sở Công Thương                                                             | 20                                                             |         |
| 7         | Sở Tư pháp                                                                 | 53                                                             |         |
| 8         | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                            | 263                                                            |         |
| 9         | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                     | 3801                                                           |         |
| 10        | Sở Y tế                                                                    | 1018                                                           |         |
| 11        | Trường Đại học Bạc Liêu                                                    | 170                                                            |         |
| 12        | Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau                                                | 45                                                             |         |
| 13        | Trường Cao đẳng Cà Mau                                                     | 273                                                            |         |
| 14        | Vườn Quốc gia U Minh Hạ                                                    | 51                                                             |         |
| 15        | Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau                                                   | 54                                                             |         |
| 16        | Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu | 12                                                             |         |
| <b>II</b> | <b>CẤP XÃ</b>                                                              | <b>22.718</b>                                                  |         |
| 1         | Phường An Xuyên                                                            | 710                                                            |         |
| 2         | Phường Tân Thành                                                           | 837                                                            |         |
| 3         | Phường Bạc Liêu                                                            | 821                                                            |         |
| 4         | Phường Giá Rai                                                             | 647                                                            |         |
| 5         | Phường Lý Văn Lâm                                                          | 327                                                            |         |
| 6         | Phường Hòa Thành                                                           | 352                                                            |         |
| 7         | Phường Hiệp Thành                                                          | 247                                                            |         |
| 8         | Phường Vĩnh Trạch                                                          | 245                                                            |         |
| 9         | Phường Láng Tròn                                                           | 351                                                            |         |
| 10        | Xã Sông Đốc                                                                | 455                                                            |         |
| 11        | Xã Năm Căn                                                                 | 370                                                            |         |
| 12        | Xã Hòa Bình                                                                | 489                                                            |         |
| 13        | Xã Trần Văn Thời                                                           | 540                                                            |         |

| <b>Số TT</b> | <b>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị</b> | <b>Số lượng người làm việc<br/>(hưởng lương từ ngân sách nhà nước)</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 14           | Xã Gành Hào                         | 225                                                                    |                |
| 15           | Xã Cái Nước                         | 476                                                                    |                |
| 16           | Xã Thới Bình                        | 413                                                                    |                |
| 17           | Xã Phước Long                       | 420                                                                    |                |
| 18           | Xã Hồng Dân                         | 521                                                                    |                |
| 19           | Xã Vĩnh Lợi                         | 257                                                                    |                |
| 20           | Xã Cái Đôi Vàm                      | 338                                                                    |                |
| 21           | Xã Đầm Dơi                          | 437                                                                    |                |
| 22           | Xã Phan Ngọc Hiển                   | 310                                                                    |                |
| 23           | Xã Nguyễn Phích                     | 387                                                                    |                |
| 24           | Xã Vĩnh Hậu                         | 382                                                                    |                |
| 25           | Xã Lương Thế Trân                   | 629                                                                    |                |
| 26           | Xã Trí Phải                         | 417                                                                    |                |
| 27           | Xã Đá Bạc                           | 498                                                                    |                |
| 28           | Xã Khánh Lâm                        | 294                                                                    |                |
| 29           | Xã Phong Thạnh                      | 410                                                                    |                |
| 30           | Xã Long Điền                        | 400                                                                    |                |
| 31           | Xã Đất Mũi                          | 197                                                                    |                |
| 32           | Xã Tân Thuận                        | 211                                                                    |                |
| 33           | Xã Vĩnh Mỹ                          | 371                                                                    |                |
| 34           | Xã Châu Thới                        | 362                                                                    |                |
| 35           | Xã Tân Hưng                         | 378                                                                    |                |
| 36           | Xã Hưng Mỹ                          | 328                                                                    |                |
| 37           | Xã Tân Tiến                         | 260                                                                    |                |
| 38           | Xã Tạ An Khương                     | 280                                                                    |                |
| 39           | Xã Trần Phán                        | 262                                                                    |                |
| 40           | Xã Quách Phẩm                       | 260                                                                    |                |
| 41           | Xã Tân Ân                           | 195                                                                    |                |
| 42           | Xã Phú Tân                          | 298                                                                    |                |
| 43           | Xã Nguyễn Việt Khái                 | 334                                                                    |                |
| 44           | Xã Tân Lộc                          | 288                                                                    |                |
| 45           | Xã Hồ Thị Kỷ                        | 291                                                                    |                |
| 46           | Xã Biên Bạch                        | 309                                                                    |                |
| 47           | Xã Khánh Bình                       | 370                                                                    |                |
| 48           | Xã Khánh Hưng                       | 301                                                                    |                |
| 49           | Xã U Minh                           | 315                                                                    |                |
| 50           | Xã Ninh Quới                        | 302                                                                    |                |
| 51           | Xã An Trạch                         | 204                                                                    |                |
| 52           | Xã Định Thành                       | 315                                                                    |                |
| 53           | Xã Đông Hải                         | 299                                                                    |                |
| 54           | Xã Vĩnh Phước                       | 372                                                                    |                |
| 55           | Xã Vĩnh Thanh                       | 359                                                                    |                |
| 56           | Xã Phong Hiệp                       | 230                                                                    |                |
| 57           | Xã Hưng Hội                         | 292                                                                    |                |

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị</b> | <b>Số lượng người làm việc<br/>(hưởng lương từ ngân<br/>sách nhà nước)</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 58               | Xã Thanh Tùng                       | 262                                                                        |                |
| 59               | Xã Đất Mới                          | 234                                                                        |                |
| 60               | Xã Tam Giang                        | 189                                                                        |                |
| 61               | Xã Phú Mỹ                           | 200                                                                        |                |
| 62               | Xã Khánh An                         | 214                                                                        |                |
| 63               | Xã Ninh Thạnh Lợi                   | 197                                                                        |                |
| 64               | Xã Vĩnh Lộc                         | 234                                                                        |                |